TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 448/2026/DS-ST
Ngày 31 – 7 – 2026
V/v tranh chấp HĐ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Tuấn

2. Ông Đỗ Văn Nhận

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Vũ Phong – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 657/2026/TLST-DS, ngày 10 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 632/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V; địa chỉ: số 89, Láng H, phường Đống Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Minh K và anh Nguyễn Hoàng H; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: số 149K, đường Nguyễn Tất T, phường Lý Văn L, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V theo văn bản ủy quyền số: 1237/2026/UQ-VPB ngày 27/5/2026 (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Vũ Duy T, sinh ngày 08/01/1996; Căn cước công dân số 096096003304, cấp ngày 12/6/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: Ấp 1, xã S, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V (gọi tắt là Ngân hàng) cùng anh Vũ Duy T thỏa thuận ký kết các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

Ngày 24/10/2022, ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số

LN2210247190665 với hạn mức cho vay là 32.000.000 đồng. Cùng ngày, Ngân hàng giải ngân cho anh T vay số tiền 27.500.000 đồng theo hồ sơ giải ngân số 005-P-5768125, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày giải ngân, lãi suất thỏa thuận được ghi nhận tại hợp đồng và định kỳ bên vay phải thanh toán nợ gốc và lãi 01 tháng/lần. Khi đó, hệ thống sẽ tự động tính lãi gốc trong kỳ thanh toán và gửi thông báo số tiền gốc, lãi cho khách hàng biết số tiền cụ thể. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T chỉ thanh toán được nợ gốc là 12.542 đồng và kể từ ngày 27/3/2023 cho đến nay, anh T chưa thanh toán được khoản nợ vốn, nợ lãi cho Ngân hàng. Hiện khoản vay này, tính đến ngày 31/7/2026, anh T còn nợ tổng số tiền là 89.656.181 đồng trong đó, nợ vốn gốc là 27.487.458 đồng và nợ lãi là 62.168.723 đồng.

Ngày 30/12/2020, ký tiếp hợp đồng cho vay số LD2036501009 với số tiền cho vay là 74.000.000 đồng. Cùng ngày, Ngân hàng giải ngân cho anh T vay số tiền trên theo hồ sơ giải ngân số LD2036501009, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày giải ngân, lãi suất thỏa thuận được ghi nhận tại hợp đồng và định kỳ bên vay phải thanh toán nợ gốc và lãi 01 tháng/lần. Khi đó, hệ thống sẽ tự động tính lãi gốc trong kỳ thanh toán và gửi thông báo số tiền gốc, lãi cho khách hàng biết số tiền cụ thể. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T chỉ thanh toán được nợ gốc là 56.937.886 đồng và kể từ ngày 10/7/2023 cho đến nay, anh T chưa thanh toán được khoản nợ vốn, nợ lãi cho Ngân hàng. Hiện khoản vay này tính đến ngày 31/7/2026, anh T còn nợ tổng số tiền là 37.444.095 đồng trong đó, nợ vốn gốc là 17.062.114 đồng và nợ lãi là 20.381.981 đồng.

Tiếp đến ngày 07/6/2022, tiếp tục hợp đồng cho vay số LD2215801310 với số tiền cho vay là 43.000.000 đồng. Cùng ngày, Ngân hàng giải ngân cho anh T vay số tiền trên theo hồ sơ giải ngân số LD2215801310, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay tính từ ngày 07/6/2022 đến ngày 15/5/2025, lãi suất thỏa thuận được ghi nhận tại hợp đồng và định kỳ bên vay phải thanh toán nợ gốc và lãi 01 tháng/lần. Khi đó, hệ thống sẽ tự động tính lãi gốc trong kỳ thanh toán và gửi thông báo số tiền gốc, lãi cho khách hàng biết số tiền cụ thể. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T chỉ thanh toán được nợ gốc là 10.704.088 đồng và kể từ ngày 10/7/2023 cho đến nay, anh T chưa thanh toán được khoản nợ vốn, nợ lãi cho Ngân hàng. Hiện khoản vay này tính đến ngày 31/7/2026, anh T còn nợ tổng số tiền là 73.657.685 đồng trong đó, nợ vốn gốc là 32.295.912 đồng và nợ lãi là 41.361.773 đồng.

Và ngày 17/02/2023, tiếp tục ký hợp đồng cho vay số LD2304801759 với số tiền cho vay là 32.000.000 đồng. Cùng ngày, Ngân hàng giải ngân cho anh T vay số tiền trên theo hồ sơ giải ngân số LD2304801759, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay tính từ ngày 17/02/2023 đến ngày 05/02/2026, lãi suất thỏa thuận được ghi nhận tại hợp đồng và định kỳ bên vay phải thanh toán nợ gốc và lãi 01 tháng/lần. Khi đó, hệ thống sẽ tự động tính lãi gốc trong kỳ thanh toán và gửi thông báo số tiền gốc, lãi cho khách hàng biết số tiền cụ thể. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T chỉ thanh toán được nợ gốc là 3.144.836 đồng và kể từ ngày 05/7/2023 cho đến nay, anh T chưa thanh toán được khoản nợ vốn, nợ lãi cho

Ngân hàng. Hiện khoản vay này tính đến ngày 31/7/2026, anh T còn nợ tổng số tiền là 75.464.159 đồng trong đó, nợ vốn gốc là 28.855.164 đồng và nợ lãi là 46.608.995 đồng.

Tổng số tiền vốn và lãi, anh T còn nợ của các hợp đồng nêu trên là 276.222.119 đồng trong đó, nợ vốn 105.700.648 đồng, nợ lãi tính đến ngày 31/7/2026 là 170.521.471 đồng (lãi trong hạn là 113.680.981 đồng, lãi quá hạn là 56.840.490 đồng) nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Tiên thanh toán một lần hết số tiền nợ trên và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Đồng thời, do bận công việc nên người đại diện hợp pháp của Ngân hàng xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Đối với anh Vũ Duy T (bị đơn), Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, riêng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã có lời khai và xin vắng mặt nên căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc xin vắng mặt của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và quyết định vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, có quy định lãi suất cụ thể là: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số LN2210247190665 ngày 24/10/2022; Hợp đồng cho vay số LD2036501009 ngày 30/12/2020; Hợp đồng cho vay số LD2215801310 ngày 07/6/2022 và hợp đồng cho vay số LD2304801759 ngày 17/02/2023. Quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên, bị đơn không trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận là đã vi phạm điều khoản cam kết nên được xem xét làm cơ sở để thanh lý hợp đồng.

Mặc dù, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện: Việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn các khoản vốn cùng lãi vay của các hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 31/7/2026 với tổng số tiền nợ 276.222.119 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn một trăm mười chín đồng) trong đó, số tiền nợ vốn vay là 105.700.648 đồng, số tiền nợ lãi vay là 170.521.471 đồng là sự thật nên không phải chứng minh. Do đó, cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ trên cho nguyên đơn cùng lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp.

[3] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, tuy nguyên đơn có yêu cầu bị đơn thanh toán một lần hết số tiền nợ vay nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 100 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 147, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V.

Buộc anh Vũ Duy T thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V các khoản tính đến ngày 31/7/2026 với tổng số tiền là 276.222.119 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm hai mươi hai nghìn một trăm mười chín đồng) trong đó, số tiền nợ vốn vay là 105.700.648 đồng, số tiền nợ lãi vay là 170.521.471 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 31/7/2026, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Vũ Duy T phải nộp số tiền là 13.811.000 đồng (mười ba triệu tám trăm mười một nghìn đồng - chưa nộp).

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V không phải nộp. Ngày 29/5/2026, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 5.860.000 đồng (năm triệu tám trăm sáu chục nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006958 được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 8, 9 và 11 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân